TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 6 – 2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Minh Phấn.

2. Ông Dương Đăng An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trí – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Hồng N** – sinh năm: 1998 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B - xã H - huyện C - tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn M** – sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn A - xã X - huyện N - tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 06/6/2022. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt T – sinh ngày 25/8/2021.

Về quan hệ hôn nhân: Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hạnh phúc, ông M có lối sống gia trưởng, bất kính với cha mẹ, thường xuyên dùng lời lẽ khiếm nhã xúc phạm bà thậm tệ, đánh đập bà, mượn tiền cha mẹ bà nói để làm ăn nhưng cũng tiêu xài không trả lại, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông M vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà đồng ý để cho ông M được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Nhựt T. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con chung đang ở với ông M.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, bà N được ly hôn với ông M; giao 01 con chung Nguyễn Nhựt T cho ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông M không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*,

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn. Tại phiên tòa bà Lê Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn M kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 06/6/2022, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N cho rằng vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông M có lối sống gia trưởng, bất kính với cha mẹ, thường xuyên dùng lời lẽ khiếm nhã xúc phạm bà thậm tệ, đánh đập bà, mượn tiền cha mẹ bà nói để làm ăn nhưng cũng tiêu xài không trả lại. Bà và ông M đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Xét thấy: lời trình bày của bà N phù hợp với biên bản xác minh ngày 04/5/2024 tại địa phương (BL 30). Hơn nữa dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông M không đến Tòa làm việc, chứng tỏ ông M có thái độ bỏ mặc, muốn ra sao thì ra. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N đồng ý giao con chung Nguyễn Nhựt T cho ông M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy: cháu Nguyễn Nhựt T còn nhỏ, được ông M chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông M không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn M có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt T – sinh ngày 25/8/2021. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông M không yêu cầu. Hiện nay con chung đang ở với ông M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000^{đồng} *(bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Hồng N đã nộp là 300.000^{đồng} *(bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0001712 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2024).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;
- UBND xã Xuân Hải (để biết);
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Long